TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **06**/2021/QĐST-HNGĐ	*Sóc Trăng, ngày 08 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 130/2020/TLST-VHNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Bà **Nguyễn Thị Thu N**, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Số A, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông **Nguyễn Trung Th**, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Số B, ấp B1, xã B2, tỉnh KG.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Trung Th tự nguyện kết hôn năm 20xx, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường D, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/6/20xx. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng không sống chung mỗi người một nơi nên tình cảm dần dần không còn nên bà N và ông Th đã sống ly thân từ ngày 20/01/20xx cho đến nay. Do quá trình chung sống ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được nên bà N và ông Th yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà. Xét thấy, bà N và ông Th đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Trung Th.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Trung Th có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Trung T (nam), sinh ngày 22/10/20xx, hiện nay cháu T đang sống chung với bà N. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Trung Th đều thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Hoàng Trung T (nam), sinh ngày 22/10/20xx cho bà Nguyễn Thị Thu N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Trung Th đều thống nhất thỏa thuận ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu T đủ tuổi trưởng thành.

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Trung Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Trung Th đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Trung Th đồng ý chịu là 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Trung Th đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Trung Th đều thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Hoàng Trung T (nam), sinh ngày 22/10/20xx cho bà Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Trung Th đều thống nhất thỏa thuận, ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Trung Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không

ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Trung Th đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Trung Th mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí do ông Th và bà N đã nộp theo các biên lai thu số 0004844 và 0004845 cùng ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà N và ông Th đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND phường D, thành phố S T, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thanh Loan